CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Đồng Phú

Ngày 30/06/2025	41,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.4%	**-**	**11.5%**

DT thuần
Q2/25
202
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -0.7%
YoY: ▼31.0| -13.5%

LN thuần
Q2/25
67.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.4| -27.3%
YoY: ▲ 20.6| 44.0%

LN sau thuế
Q2/25
62.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.2| -18.7%
YoY: ▼17.5| -22.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
38.8%
YoY: +/-▼ 8.3%

ROE (TTM)
Q2/25
8.3%
YoY: +/-▼ 0.8%

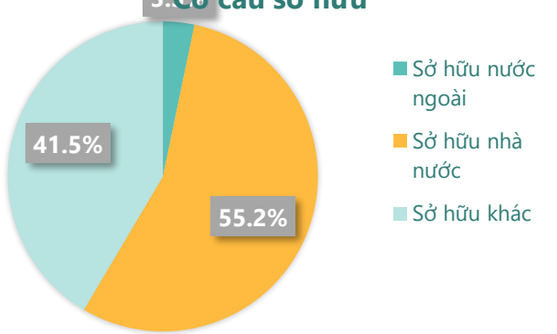
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,990 - 49,985
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,575
Số lượng CPLH (CP)	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	954,260
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	1.15
EPS	3,133
P/E	13.1

DT thuần
6T 2025
404
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.0| -3.6%

LN thuần
6T 2025
160
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 26.0%

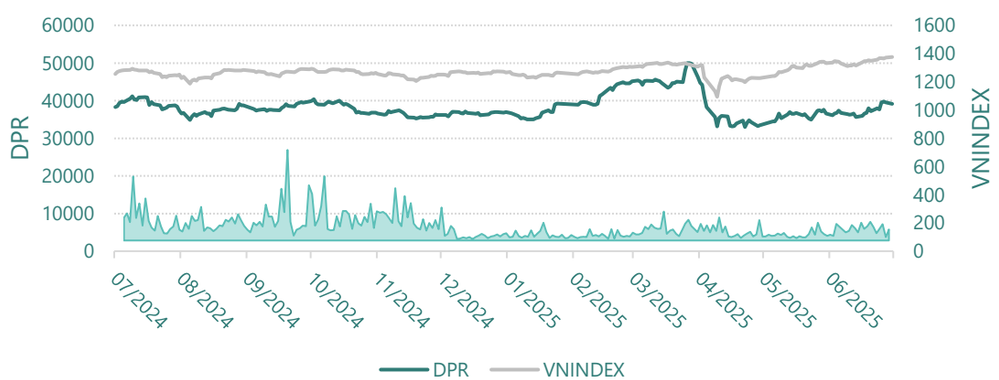
LN sau thuế
6T 2025
138
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -2.5%

Cơ cấu sở hữu

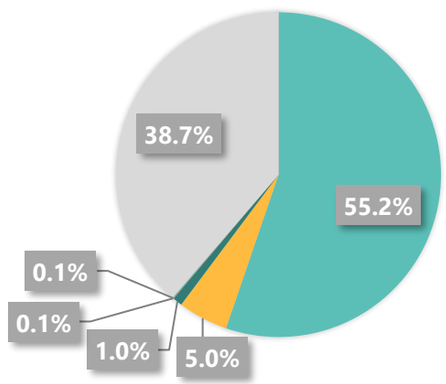


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

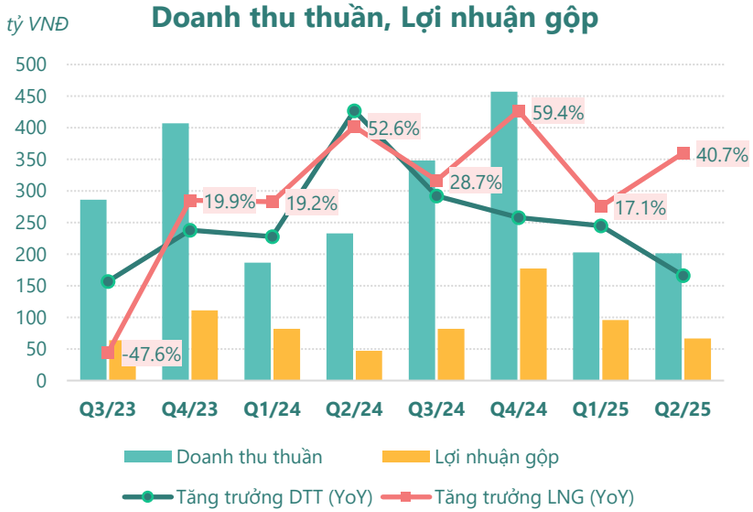


- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tiếp cận thị trường Việt Nam
- Nguyễn Thanh Bình
- Đặng Gia Anh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

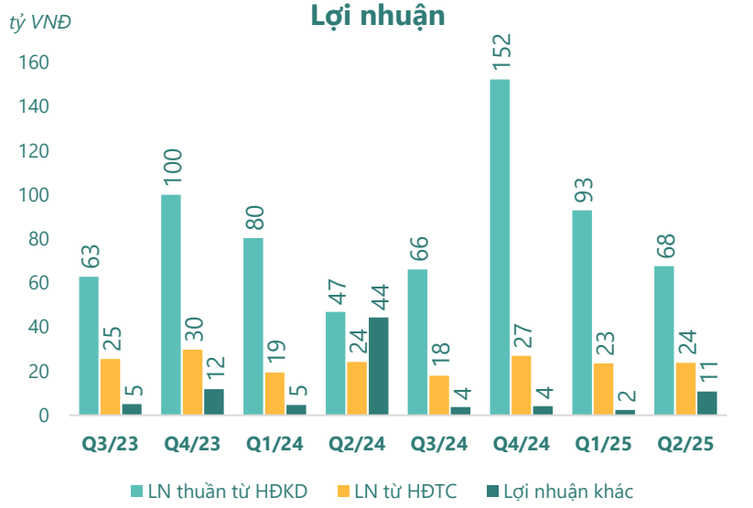
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



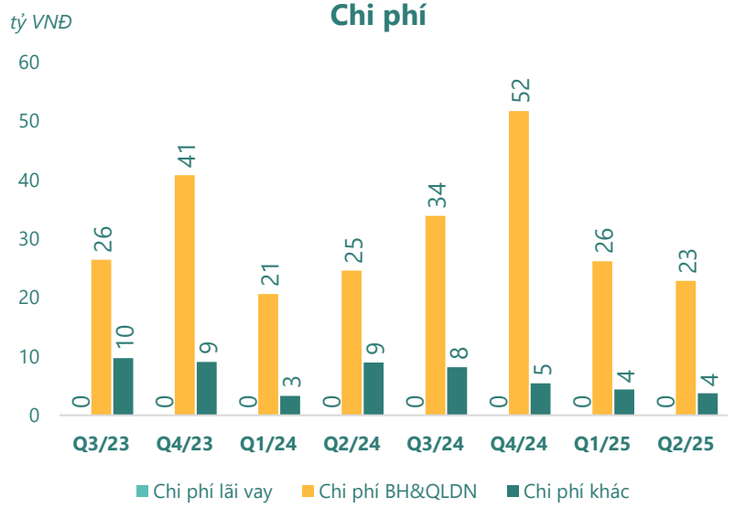
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



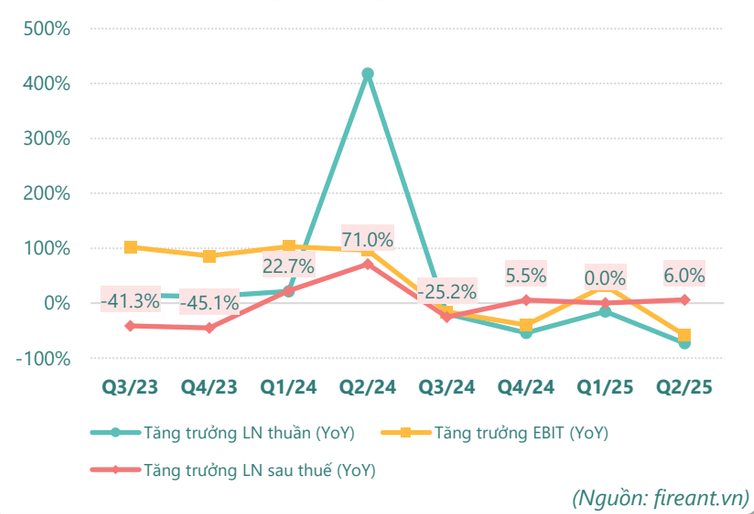
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



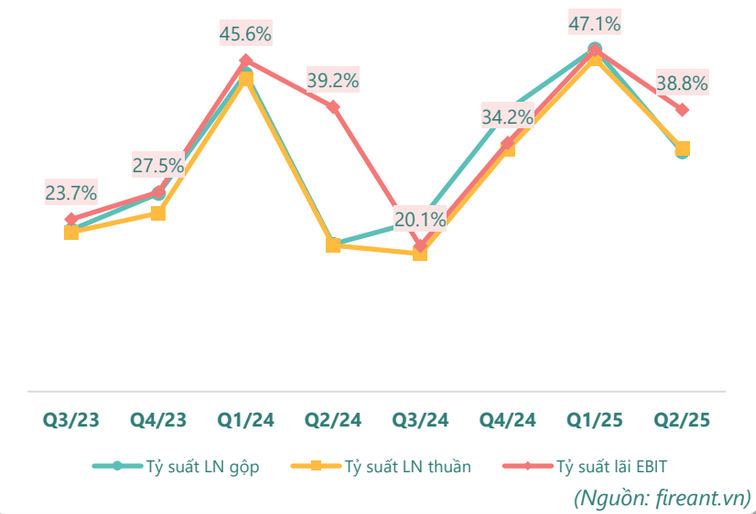
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



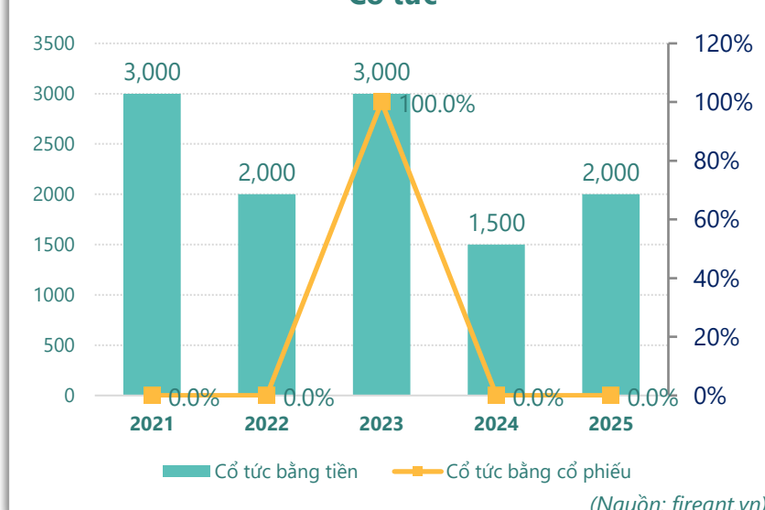
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



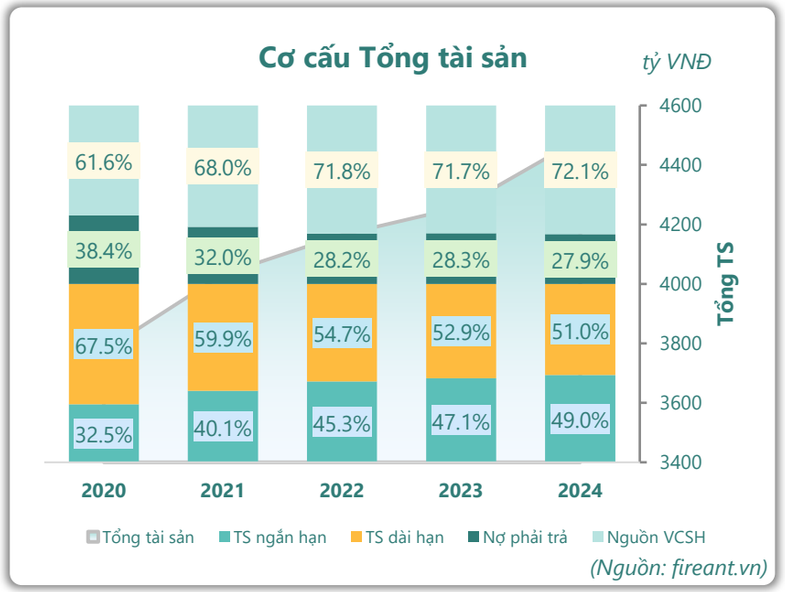
(Nguồn: fireant.vn)

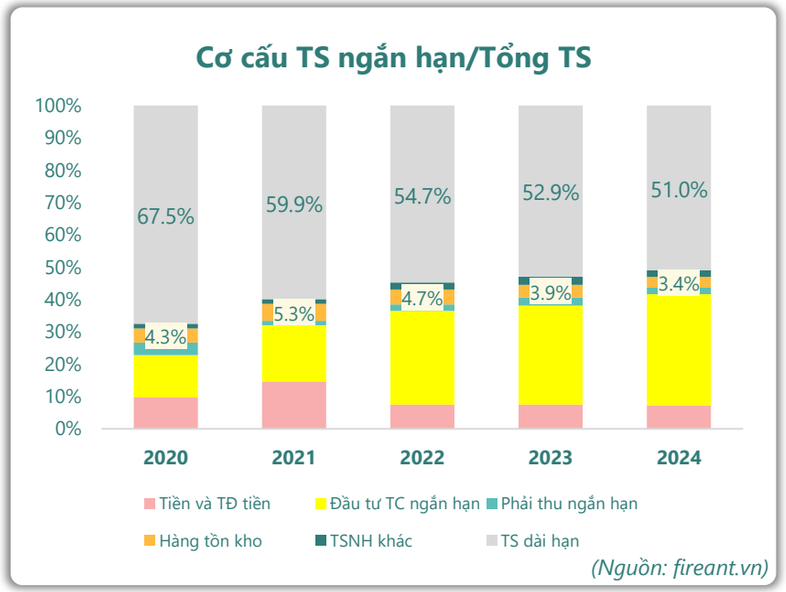
Cổ tức

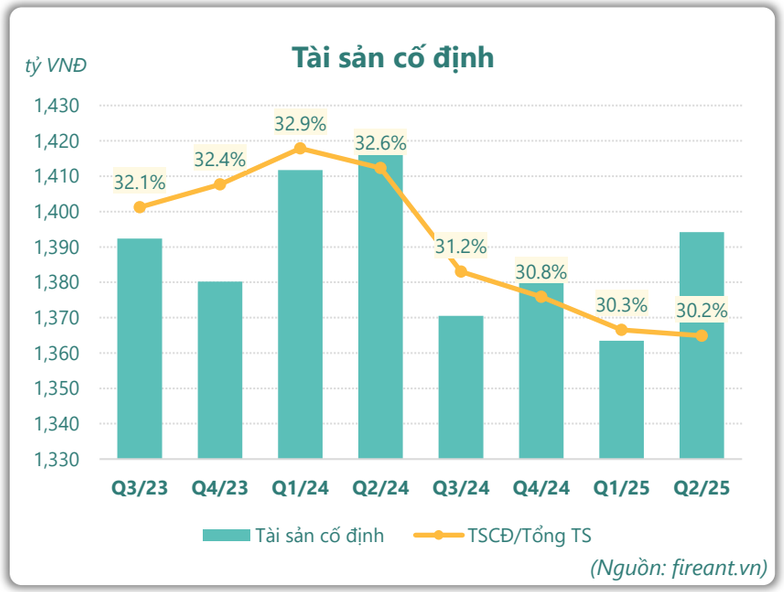


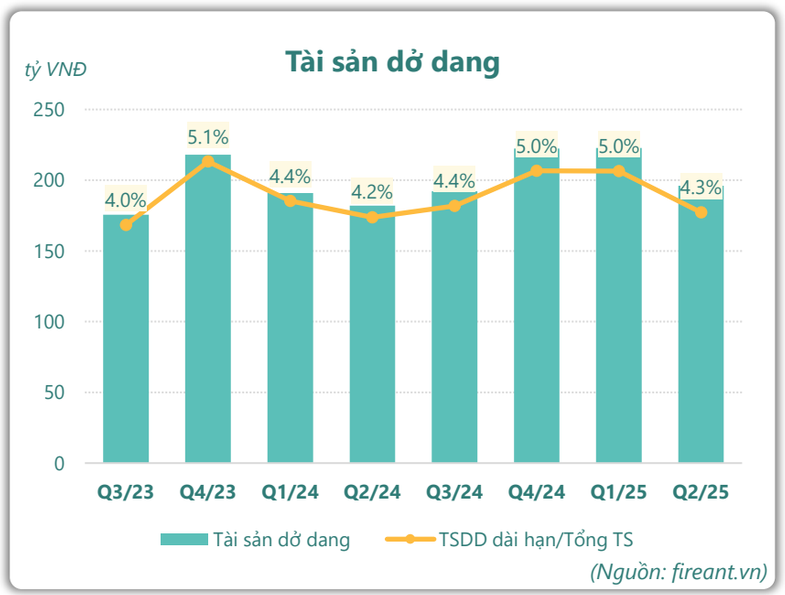
(Nguồn: fireant.vn)

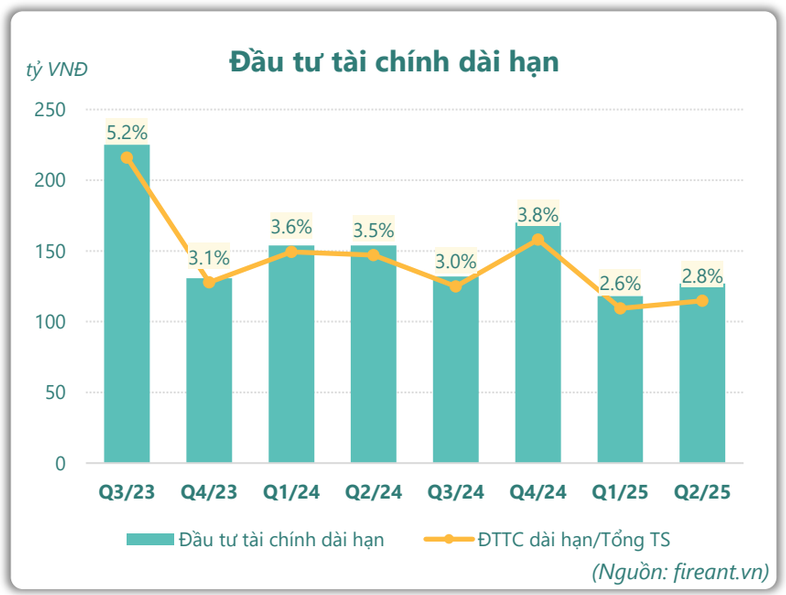
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

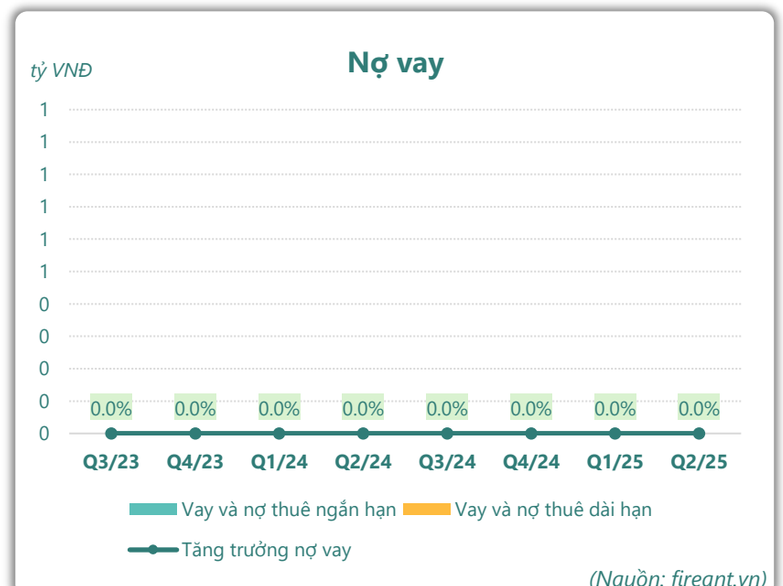






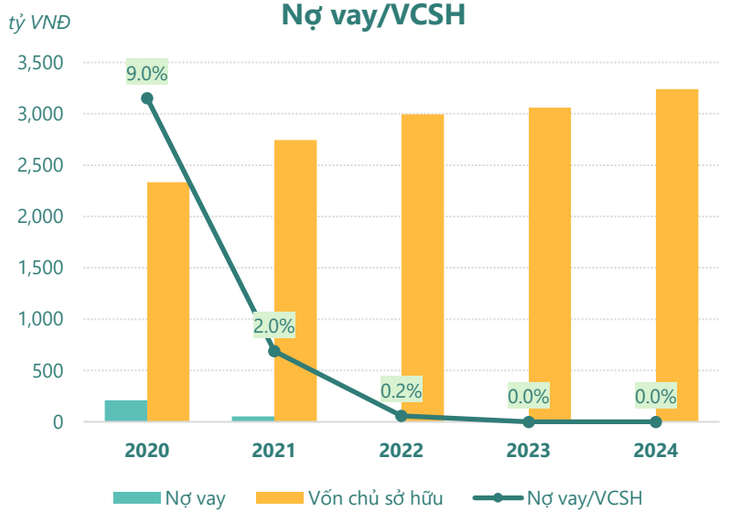






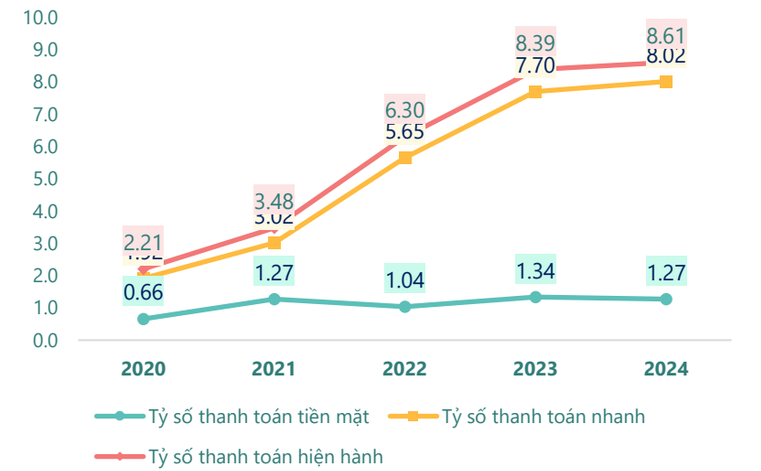
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



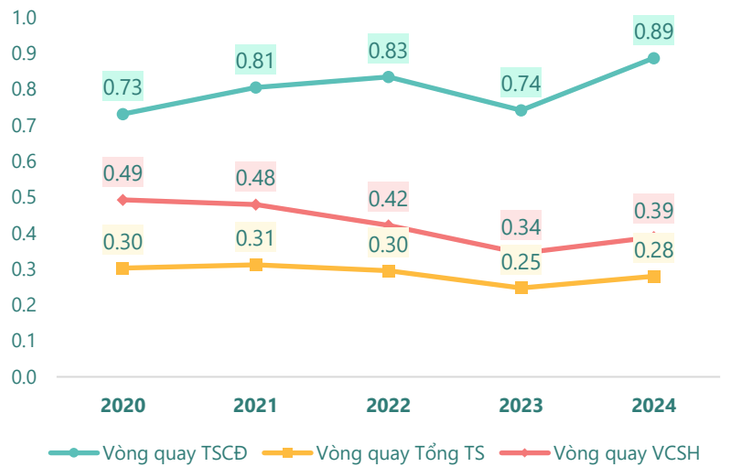
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



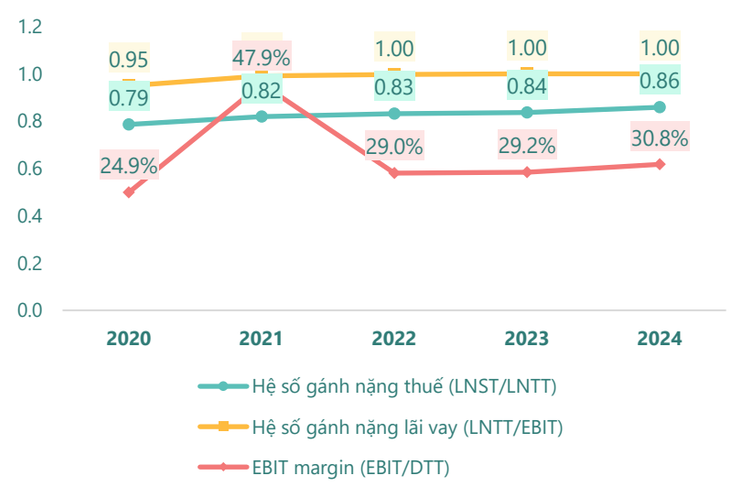
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



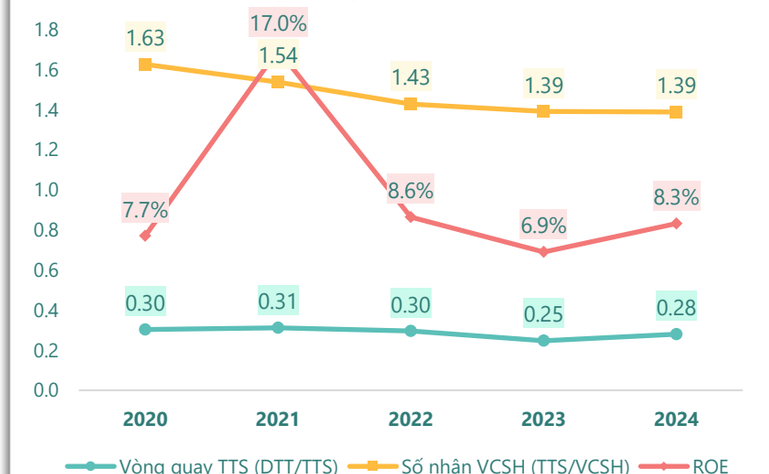
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



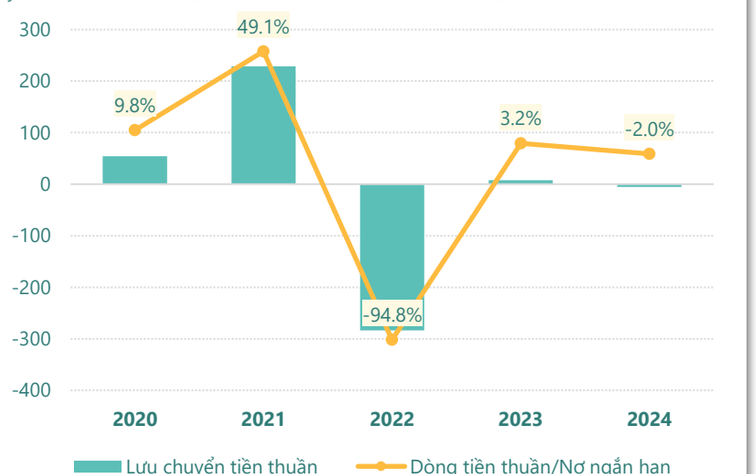
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**202**	**233**	**-13.5%**	**404**	**419**	**-3.6%**
Giá vốn hàng bán	135	186	-27.4%	242	290	-16.7%
Lợi nhuận gộp	66.6	47.3	40.7%	162	129	25.8%
Doanh thu HĐTC	25.2	24.4	3.4%	48.9	46.0	6.4%
Chi phí TC	1.38	0.25	453%	1.63	2.44	-33.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.71	4.76	-43.0%	6.27	8.67	-27.7%
Chi phí QLDN	**20.1**	**19.8**	**1.7%**	**42.8**	**36.6**	**17.0%**
LN thuần từ HĐKD	67.5	46.9	44.0%	160	127	26.0%
Lợi nhuận khác	**10.7**	**44.4**	**-75.9%**	**13.2**	**49.1**	**-73.2%**
LN trước thuế	78.3	91.3	-14.3%	174	176	-1.6%
Lợi nhuận sau thuế	**62.0**	**79.5**	**-22.0%**	**138**	**142**	**-2.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**52.7**	**73.1**	**-27.9%**	**118**	**125**	**-5.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-112	198	129	209	-11.7	38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.80	-171	-27.4	30.5	-20.2	5.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.11	-0.05	-19.7	-230	-0.28	0.13
Tiền đầu kỳ	320	207	237	316	326	294
Lưu chuyển tiền thuần	**-113**	**27.2**	**81.6**	**9.21**	**-32.2**	**44.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.60	3.11	-3.32	0.83	0.26	5.62
Tiền cuối kỳ	207	237	316	326	294	343

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,610**	**4,488**	**2.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,385	2,200	8.4%
Tiền và tương đương tiền	343	326	5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,621	1,545	4.9%
Phải thu ngắn hạn	98.6	87.5	12.7%
Hàng tồn kho	227	151	49.9%
Tài sản ngắn hạn khác	95.8	91.1	5.1%
Tài sản dài hạn	**2,224**	**2,288**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	3.67	3.60	2.1%
Tài sản cố định	1,394	1,381	1.0%
Bất động sản đầu tư	122	129	-5.0%
Tài sản dở dang	196	222	-11.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	127	170	-25.3%
Tài sản dài hạn khác	**381**	**383**	**-0.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,248	1,253	-0.4%
Nợ ngắn hạn	**243**	**256**	**-5.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.52	5.79	47.3%
Nợ dài hạn	1,005	998	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,362**	**3,235**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,362**	**3,240**	**3.8%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.27**	**-4.94**	**94.5%**

(Nguồn: fireant.vn)